

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DS-ST

Ngày: 11-9-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Văn Bún

Ông Lâm Hồng Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1953. Nơi cư trú: Ấp R, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Có mặt.

-Bị đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1964;

Bà Trần Thị T, sinh năm 1964.

Cùng cư trú: Ấp L, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Ông L vắng mặt, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 5 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Vào khoảng năm 2005 đến 2006, vợ chồng ông L, bà T xuống nhà bà P vay 01 cây vàng 24kara và 6.000.000đồng, bà P đưa tiền và vàng cho vợ chồng ông L, bà T. Mục đích vay để làm kinh tế gia đình, khi vay không viết biên nhận và ông L bà T hứa vài tháng sẽ trả. Khoảng 06 đến 07 tháng sau ông L có trả cho bà P 11.000.000đồng thì bà trừ 6.000.000đồng tiền mặt, 5.000.000đồng còn lại

quy ra vàng là 05 chỉ vàng 24kara nên còn thiếu lại 05 chỉ vàng 24kara. Một thời gian sau, vào ngày 28/10/2007 (ngày dương, hay âm lịch bà P không nhớ) bà P có xuống nhà ông L yêu cầu ông L viết biên nhận, có vợ chồng ông L ở nhà nhưng bà P chỉ yêu cầu ông L ký vào biên nhận là còn thiếu nợ bà 05 chỉ vàng 24kara, không có yêu cầu bà T vợ ông L ký vào biên nhận do tin tưởng.

Khi cho vợ chồng ông L vay vàng, tiền hai bên không thỏa thuận trả lãi và bà P cũng không nhận từ ông L, bà T khoản tiền lãi nào. Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thành L và bà Trần Thị T trả cho bà 05 chỉ vàng 24kara và tiền lãi 58.226.700đồng, tính lãi từ ngày 28/10/2007 đến 28/4/2020, lãi suất 1,666%/tháng, mức giá vàng tạm tính là 4.660.000đ/01 chỉ vàng 24kara.

Tại phiên tòa bà P chỉ yêu cầu vợ chồng ông L và bà T trả cho bà 05 chỉ vàng 24 kara. Không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thành L trình bày:

Ông L thống nhất theo lời trình bày của bà P, vào năm 2005, 2006 hai vợ chồng ông xuống nhà bà P hỏi vay 01 cây vàng 24kara và 6.000.000đồng, mục đích vay vàng và tiền về để làm kinh tế gia đình, khi vay không có viết biên nhận nợ, khoảng hơn tháng sau ông L trả cho bà P 11.000.000đồng tương ứng với 01 cây vàng 24kara và 3.000.000đồng nên ông L còn thiếu bà P 3.000.000đồng. Ngày 28/10/2007 (ông L không xác định được là ngày dương hay âm lịch) bà P có xuống nhà ông L yêu cầu ông viết biên nhận, ông L đồng ý số tiền thiếu bà P 3.000.000đồng quy ra vàng là 05 chỉ vàng 24kara nên ông viết biên nhận thiếu bà P 05 chỉ vàng 24kara.

Nay bà Nguyễn Thị P yêu cầu vợ chồng ông trả 05 chỉ vàng 24kara và tiền lãi 58.226.700đồng thì ông L xin một mình ông chịu trách nhiệm trả lại 05 chỉ vàng 24kara cho bà P do ông viết biên nhận nợ với bà P. Ngoài ra, do kinh tế khó khăn nên ông xin trả mỗi năm một chỉ 01 chỉ vàng 24kara, bắt đầu trả đầu năm 2021 cho đến khi hết nợ 05 chỉ vàng 24kara và xin không trả tiền lãi do hoàn cảnh khó khăn.

Bị đơn bà Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, tuy nhiên bà T có thể hiện ý kiến qua bản tự khai ngày 31/7/2020 như sau: Chồng bà là ông L vay mượn của bà P như thế nào thì bà T không biết. Nay bà P yêu cầu như trên thì bà T không đồng ý, giữa ông L và bà P tự giải quyết với nhau, bà T không đồng ý trả nợ cho bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp L, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn bà Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Thành L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu, căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét về thời hiệu đối với vụ kiện này.

[2] Về nội dung vụ án: Bà P và ông L trình bày thống nhất là vào năm 2005, 2006 hai vợ chồng ông L, bà T xuống nhà bà P vay 01 cây vàng 24kara và 6.000.000đồng, vợ chồng ông L vay vàng và tiền về để làm kinh tế gia đình, khi vay không viết biên nhận nợ, khoảng hơn một tháng sau ông L có trả cho bà P 11.000.000đồng. Số nợ còn lại thống nhất là 05 chỉ vàng 24 kara. Ngày 28/10/2007, ông L viết biên nhận xác nhận có thiếu bà P 05 chỉ vàng 24kara. Nay bà P yêu cầu ông L và bà T có trách nhiệm trả lại cho bà 05 chỉ vàng còn thiếu và ông L cũng đồng ý nhưng xin trả dần. Riêng vợ ông L là bà T cho rằng việc ông L vay mượn của bà P bà không biết và cũng không đồng ý trả nợ cho bà P.

[2.1] Tại phiên tòa, bà P không yêu cầu ông L, bà T trả tiền lãi là quyền tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2.2] Việc ông L còn thiếu bà P 05 chỉ vàng đã được ông L thừa nhận nên không phải chứng minh.

[2.3] Về yêu cầu xin trả dần của ông Nguyễn Thành L: Ông L xin trả dần 05 chỉ vàng 24kara cho bà P, mỗi năm trả 01 chỉ nhưng bà P không đồng ý. Do pháp luật không quy định việc trả dần nên đề nghị của ông L không được chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu thực hiện trách nhiệm liên đới của bà Trần Thị T: Bà T cho rằng không biết việc vay mượn tiền và vàng giữa ông L với bà P nên không đồng ý cùng ông L trả cho bà P. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 11/8/2020 do Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng lập thì cả bà P và ông L đều trình bày thống nhất là: Năm 2005, 2006 hai vợ chồng ông L và bà T xuống nhà bà P vay 01 cây (lượng) vàng 24kara và 6.000.000đồng, mục đích vay vàng và tiền về để làm kinh tế gia đình, khi vay không có làm biên nhận nợ, khoảng hơn một tháng sau ông L trả cho bà P 11.000.000đồng, hai bên thống nhất ông L còn thiếu bà P 05 chỉ vàng và ông L có viết biên nhận vào ngày 28/10/2007. Như vậy, cả ông L và bà P đều thống nhất trình bày số vàng 05 chỉ còn nợ nêu trên khi vay thì có cả bà T cùng đi và mục đích để ông L và bà T làm kinh tế gia

đình. Do đó việc bà P yêu cầu bà T cùng với ông L có trách nhiệm liên đới trả cho bà P 05 chỉ vàng 24kara còn nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị 05 chỉ vàng phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà P thuộc đối tượng người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và đã được Tòa án chấp nhận nên không xử lý tiền tạm ứng án phí.

Giá vàng tại thời điểm xét xử 01 chỉ vàng 24 kara có giá 5.400.000 đồng để làm cơ sở tính án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ các điều 463, 466 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu ông Nguyễn Thành L và bà Trần Thị T trả cho bà 05 chỉ vàng 24 kara. Buộc ông Nguyễn Thành L và bà Trần Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P 05 (năm) chỉ vàng 24 kara.

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Thành L và bà Trần Thị T có nghĩa vụ liên đới nộp 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

Huỳnh Thị Yến Linh